

**KẾ HOẠCH
TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021 - 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 10619/BTC-NSNN ngày 03/9/2020 của Bộ Tài chính về việc cho ý kiến đối với các dự thảo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 2021-2023 và Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của địa phương;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 của địa phương, nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông năm 2020

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện trong 10 tháng đầu năm đối với 16 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 nêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh, ước thực hiện cả năm như sau:

a) Có 11/16 nhóm chỉ tiêu có khả năng đạt và vượt kế hoạch, chiếm 68,75%, gồm: Thu, chi ngân sách; Hạ tầng giao thông; Hạ tầng cấp thoát nước đô thị; Hạ tầng cấp điện; Lao động và việc làm; Y tế; Giáo dục; Văn hóa; Chỉ tiêu về dân số; Giảm nghèo; Nông thôn mới.

b) Có 05/16 nhóm chỉ tiêu ước không đạt kế hoạch, chiếm 31,25%, gồm:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (giá 2010) ước đạt 6,12%/KH 7,91%. Nguyên nhân do tình hình kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tình hình thời tiết bất lợi, cực đoan tác động tiêu cực đến sản xuất kinh doanh; giá các mặt hàng nông sản chủ lực (tiêu, cà phê...) vẫn giữ ở mức thấp trong thời gian dài, ảnh hưởng lớn đến thu nhập của đại đa số người dân; sức mua, tiêu dùng trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ giảm; mức đầu tư

phát triển giảm. Đồng thời, do nhà máy điện phân nhôm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến tăng trưởng lĩnh vực xây dựng và tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) ước đạt 49,65 triệu đồng/KH 50 triệu đồng (theo cách tính mới của Tổng cục Thống kê thì GRDP bình quân ước đạt 48,55 triệu đồng).

- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm 39,11%/KH 41,58%; Công nghiệp xây dựng 18,33%/KH 17,22%; Dịch vụ 36,22%/KH 34,92%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,33%/KH 6,28%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 15.000 tỷ đồng/KH 18.000 tỷ đồng, không đạt KH. Nguyên nhân, do tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch đề ra, ảnh hưởng của dịch bệnh khiến dòng vốn đầu tư toàn xã hội suy giảm; trong tình một số dự án đầu tư trọng điểm chậm tiến độ, trong đó có nhà máy luyện nhôm chưa đi vào lắp đặt máy móc, thiết bị như dự kiến.

- Chỉ tiêu về môi trường: Số vụ phá rừng giảm 2,3%, diện tích rừng bị phá giảm 10,6 %/KH giảm 50% số vụ và diện tích, không đạt KH đề ra; Tỷ lệ che phủ rừng sau rà soát, đánh giá ước đạt 38%/KH 39,3%, không đạt KH. Riêng chỉ tiêu trồng rừng tập trung ước đạt 1.083 ha/KH 1.000 ha, vượt KH.

2. Về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

2.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

a) Tổng thu NSNN trên địa bàn 10 tháng đầu năm 2020 là 2.000 tỷ đồng, đạt 74% dự toán, giảm 7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 159 tỷ đồng). Nhìn chung, thu NSNN trên địa bàn 10 tháng đầu năm 2020 chưa đạt tiến độ đề ra và giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính là do:

- Thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra ở những tháng đầu năm làm giảm nguồn thu từ hầu hết các khu vực kinh tế. Đặc biệt, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp lớn như alumin, thủy điện, xăng dầu không ổn định; một số doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập ngừng, bỏ kinh doanh. Chính phủ thay đổi một số chính sách về thuế, phí, lệ phí như: giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh; gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế giá trị gia tăng và giảm 50% lệ phí trước bạ và một số khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành.

- Các khoản thu từ thủy điện thấp hơn kế hoạch do thời tiết nắng nóng, hạn hán trong những tháng đầu năm gây thiếu nước phục vụ việc phát điện.

- Thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ trong việc thắt chặt quy định sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông, các khoản thu từ các Công ty bia, rượu, nước giải khát và ngành nghề kinh doanh, dịch vụ có liên quan đều sụt giảm.

- Tiến độ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất thuộc các khu đất đã được phê duyệt giá đất cụ thể trong thời gian qua còn chậm.

- Công tác thống kê, rà soát sắp xếp lại, xử lý tài sản công để cho thuê hoặc đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ tại các địa phương chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ.

b) Với đánh giá thu ngân sách 10 tháng đầu năm 2020 như trên và dự báo 02 tháng cuối, dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn cả năm là 2.700 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Trong đó: thu nội địa 2.512 tỷ đồng, đạt 99% dự toán; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 170 tỷ đồng; thu huy động đóng góp 18 tỷ đồng.

Để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn năm 2020, theo đó góp phần hoàn thành chỉ tiêu thu NSNN trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục triển khai quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp về thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020 đã đề ra; phân tích, tìm hiểu nguyên nhân các khoản thu chưa đạt tiến độ theo dự toán được giao, đặc biệt là các khoản thu sụt giảm so với cùng kỳ năm trước để đề ra giải pháp cụ thể nhằm khắc phục; nghiên cứu khả năng bù hụt thu một số khoản thu ngân sách từ các nguồn thu mới.

c) Tổng số tiền nợ thuế tính đến thời điểm 30/9/2020 là 476,02 tỷ đồng. Trong đó: Nhóm nợ thuế đến 90 ngày và trên 90 ngày (có khả năng thu) là 84,91 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,84% tổng số tiền nợ thuế; Nhóm nợ thuế của người nộp thuế đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, ngừng, nghỉ và bỏ địa chỉ kinh doanh, tiền nợ thuế đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế nợ thuế (nhóm nợ khó thu) là 389,11 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81,74% tổng số tiền nợ thuế; Nhóm nợ chờ xử lý là 1,99 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,42% tổng số tiền nợ thuế.

2.2. Chi ngân sách địa phương

a) Chi ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm 2020:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 10 tháng đầu năm 2020 là 5.949 tỷ đồng, bao gồm: chi đầu tư phát triển 2.280 tỷ đồng (trong đó giải ngân từ nguồn vốn năm trước sang 956 tỷ đồng) và chi thường xuyên 3.668 tỷ đồng (trong đó chuyển nguồn từ năm trước sang 465 tỷ đồng). Nếu loại trừ số chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2019 sang thì chi ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm đạt 62% dự toán được giao.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm 2020 chưa đạt tiến độ đề ra, tuy tình hình chi ngân sách các tháng gần đây đã được đẩy nhanh nhằm kịp thời đảm bảo nhiệm vụ chi lương, chế độ cho các đối tượng chính sách, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm như phòng, chống dịch Covid-19, bạch hầu, hạn hán và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 của các công trình, dự án còn thấp, đặc biệt là các dự án mở mới, do các chủ đầu tư chủ yếu tập trung giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang.

b) Tổng chi NSDP ước thực hiện cả năm 2020 là 7.225 tỷ đồng (không gồm số chi chuyển nguồn sang năm sau), đạt 99,6% dự toán; nguyên nhân do tình hình thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, nhất là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước, trong năm thực hiện cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Trung ương. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 2.073 tỷ đồng (không gồm số chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020 để tiếp tục giải ngân), UBND tỉnh đã có báo cáo chi tiết riêng về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2020. Chi đầu tư phát triển trong năm chủ yếu ưu tiên cho hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh, xây dựng nông thôn mới, thủy lợi, cơ sở vật chất giáo dục - đào tạo các vùng đặc biệt khó khăn và thanh toán nợ, chuyển tiếp.

- Chi thường xuyên là 4.934 tỷ đồng. Số chi chủ yếu để đảm bảo các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ; phần còn lại ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng chống dịch bệnh và thiên tai.

- Chi trả nợ lãi các khoản chính quyền địa phương vay 01 tỷ đồng; Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 01 tỷ đồng; Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương 65 tỷ đồng; Chi từ nguồn thu huy động đóng góp 18 tỷ đồng.

II. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và một số cơ chế, chính sách dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2023

1. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2023:

a) Tăng trưởng kinh tế (GRDP): Năm 2021 là 6,4% (KV1 đạt 4,64%, KV2 đạt 8,03%, KV3 đạt 7,32%, KV4 đạt 7,48%); năm 2022 là 6,64% (KV1 đạt 4,37%, KV2 đạt 10,11%, KV3 đạt 7,36%, KV4 đạt 6,83%) và năm 2023 là 8,63% (KV1 đạt 4,19%, KV2 đạt 20,9%, KV3 đạt 7,48%, KV4 đạt 11,59%).

b) GRDP bình quân đầu người: Năm 2021 là 50,38 triệu đồng; năm 2022 là 53,49 triệu đồng và năm 2023 là 58,01 triệu đồng.

c) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: Năm 2021 là 11.770 tỷ đồng; năm 2022 là 12.947 tỷ đồng và năm 2023 là 14.501 tỷ đồng. Chiếm từ 35-40% tỉ trọng GRDP.

d) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đường tỉnh năm 2021 là 66%, năm 2022 là 68% và năm 2023 là 70%; Tỷ lệ đô thị hóa năm 2021 và năm 2022 là 28%, năm 2023 là 31%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện năm 2021 là 99,1%, năm 2022 là 99,2% và năm 2023 là 99,3%; Tỷ lệ bảo đảm nước tưới cho diện tích cần tưới năm 2021 là 80%, năm 2022 là 81% và năm 2023 là 82%;

đ) Số lao động được tạo việc làm 18.000 lượt người/năm; đào tạo nghề cho 4.000 người/năm; người lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội năm 2021 là 10,5%, năm 2022 là 11,2% và năm 2023 là 12%.

e) Giảm nghèo: Bình quân hằng năm giảm tỉ lệ hộ nghèo 2%, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên theo chuẩn nghèo 2021-2025.

g) Y tế: Năm 2021 đạt 19,4 giường bệnh/vạn dân năm 2021, năm 2022 đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân, năm 2023 đạt 20,2 giường bệnh/vạn dân; năm 2021 đạt 8,1 bác sĩ/vạn dân, năm 2022 đạt 8,3 bác sĩ/vạn dân và năm 2023 đạt 8,5 bác sĩ/vạn dân; dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân năm 2021 là 91%, năm 2022 là 92% và năm 2023 là 93%.

h) Giáo dục: Tăng thêm bình quân 9 trường đạt chuẩn quốc gia mỗi năm.

i) Nông thôn mới: Năm 2021 có 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 32 xã), bình quân mỗi xã đạt 15,5 tiêu chí; năm 2022 có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 35 xã), bình quân mỗi xã đạt 16 tiêu chí và năm 2023 có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 38 xã), bình quân mỗi xã đạt 16,4 tiêu chí.

2. Dự kiến cơ chế, chính sách thực hiện trong giai đoạn 2021-2023

Giai đoạn 2021-2023, bên cạnh việc cân đối nguồn lực để tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách đang triển khai theo quy định, địa phương sẽ tập trung nguồn lực cho một số nhiệm vụ cấp thiết, chế độ, chính sách sau:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đẩy mạnh kiến thiết thị chính, chính trang đô thị, hoàn thành mục tiêu phát triển đô thị của Tỉnh ủy Đắk Nông, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm.

c) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông đến năm 2030;...

d) Các chính sách về đầu tư phát triển, như: chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; xây dựng Công viên địa chất Đắk Nông thành khu du lịch cấp quốc gia; Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và Công viên tỉnh Đắk Nông; các dự án trọng điểm, công trình cấp thiết khác phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội...

đ) Các chính sách đặc thù của địa phương về giáo dục, y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ,...

e) Triển khai kế hoạch diễn tập phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện được Bộ Quốc phòng, Quân khu phê duyệt hàng năm.

III. Định hướng về bố trí cơ cấu thu, chi và khung cân đối ngân sách tổng thể của địa phương 03 năm 2021-2023

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; mức tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2021-2023; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Cập nhật các yếu tố dự kiến làm tăng/giảm thu ngân sách nhà nước do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu, triển khai thực hiện về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập, động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức...; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế...; tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công, chỉ tổng hợp vào dự toán thu ngân sách nhà nước phần phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước; đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, tuy nhiên phải lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

- Qua đánh giá, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 là 2.750 tỷ đồng; kế hoạch năm 2022 là 3.080 tỷ đồng và kế hoạch năm 2023 là 3.450 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách địa phương

Kế hoạch chi ngân sách địa phương 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 và dự báo cho giai đoạn 2021-2023. Đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi; bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2021-2023; gắn với việc triển khai thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Trong đó:

a) Về chi đầu tư phát triển:

- Việc lập kế hoạch chi đầu tư phát triển căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyên tiếp (nếu có)/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội,

các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng năm và giai đoạn.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất; đồng thời, lập phương án bố trí chi đầu tư phát triển từ khoản thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nguồn thu xổ số kiến thiết được sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 là 1.027 tỷ đồng (tăng 12% so với dự toán năm 2020); kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2022 là 1.150 tỷ đồng (tăng 12% so với kế hoạch năm 2021) và kế hoạch năm 2023 là 1.288 tỷ đồng (tăng 12% so với kế hoạch năm 2022).

b) Về chi thường xuyên:

- Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên bảo đảm triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ hiện hành; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Dự toán chi thường xuyên năm 2021 là 4.463 tỷ đồng (tăng 12 tỷ đồng so với dự toán năm 2020); kế hoạch năm 2022 là 4.597 tỷ đồng và năm 2023 là 4.734 tỷ đồng.

e) Dư nợ vay đến hết năm 2020 là 80,073 tỷ đồng (Vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài).

- Kế hoạch vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại trong năm 2021 là 105,2 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ gốc trong năm là 1,6 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ lãi, phí là 1,3 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài trong năm 2022 là 53,157 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ gốc là 1,551 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ lãi, phí là 1,659 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài năm 2023 là 27,434 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ gốc là 6,407 tỷ đồng. Kế hoạch trả nợ lãi, phí 0,856 tỷ đồng. Dư nợ vay dự kiến đến hết năm 2023 là 265,864 tỷ đồng.

3. Cân đối ngân sách địa phương

Kế hoạch chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 được xác định bằng dự toán chi cân đối năm 2020 (đã bao gồm các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành tới thời điểm dự toán năm 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt), riêng chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết thì bố trí bằng số thu. Đối với các năm tiếp theo, dự toán chi cân đối ngân sách địa phương được bố trí tăng tương ứng với số tăng thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp.

Bên cạnh đó, căn cứ tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư; nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, đối ngoại và đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, ngân sách trung ương tiếp tục bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định.

IV. Dự báo rủi ro tác động đến thu, chi, cân đối ngân sách địa phương và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023

1. Dự báo rủi ro tác động đến thu, chi, cân đối ngân sách địa phương

a) Về thu ngân sách nhà nước 2021-2023

- Nguồn thu của tỉnh vẫn còn phụ thuộc lớn vào các khoản thu từ khoáng sản, thủy điện... đây là những khoản thu có tính biến động cao, chịu nhiều tác động bởi các yếu tố ngoại sinh và khó dự báo. Đồng thời, với tình hình hiện nay, sản lượng của các nhà máy thủy điện và của Nhà máy Alumin Nhân Cơ đã đạt được như kỳ vọng. Mặt khác, các khoản thu thuế này chủ yếu dựa trên sản lượng, chất lượng và giá bán, do đó việc kiểm soát còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn thu của tỉnh còn bị ảnh hưởng nhiều do các chính sách thuế như: không thu thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng cà phê, phân bón, thuốc trừ sâu...; thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm; thuế thu nhập cá nhân tăng mức giảm trừ gia cảnh và giảm trừ người phụ thuộc; chính sách miễn giảm tiền cho thuê đất để thu hút đầu tư, hỗ trợ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa đồng bộ, giá trị gia tăng trong sản xuất chưa cao, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn đều có quy mô nhỏ lẻ, sức cạnh tranh với các doanh nghiệp từ địa phương khác thấp nên khả năng huy động nguồn thu từ các doanh nghiệp chưa cao và xuất hiện tình trạng giảm thu từ việc doanh nghiệp do chuyển địa điểm kinh doanh khỏi địa bàn;...

b) Về chi ngân sách địa phương 2021-2023

- Nhu cầu chi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là rất lớn, nhất là khoản chi cho giáo dục, y tế; đối tượng chính sách và hỗ trợ vùng cao, vùng sâu và miền núi,...

- Địa phương chưa tự cân đối được nguồn ngân sách, còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương trong khi ngân sách Trung ương chỉ ưu tiên hỗ trợ địa phương thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo (chi thường xuyên). Trung ương vẫn nắm vai trò chủ đạo trong quản lý, điều hành ngân sách, do đó sự chủ động trong quản lý ngân sách của địa phương chưa cao.

- Để tăng chi đầu tư phát triển thì nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là rất quan trọng, đây là nguồn thu không phân chia, ngân sách địa phương được hưởng 100%. Tuy nhiên, hiện nay các số thu này còn thấp, nguồn thu tiền sử dụng đất không bền vững vì mỗi năm quỹ đất

giảm dần, dẫn đến trong tương lai gần tỷ lệ thu tiền sử dụng đất sẽ giảm, đồng thời vé số của Công ty xổ số Đắc Nông đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi vé số truyền thống của một số tỉnh khác, do đó ảnh hưởng tới nguồn tăng chi đầu tư phát triển.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023

Căn cứ đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và những thách thức được dự báo nêu trên, để hoàn thành kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 của tỉnh Đắc Nông, bên cạnh việc nghiêm túc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hàng năm, công tác quản lý tài chính - ngân sách của địa phương cần lưu ý một số nội dung sau:

a) Đối với thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; phát triển kinh tế tư nhân; khuyến khích đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, kinh doanh.

- Rà soát, đánh giá lại các nguồn thu nhằm xác định rõ những nguồn thu không ổn định, nguồn thu còn thất thu và nguồn thu còn tiềm năng; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới.

- Chủ động nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính gắn với việc rà soát, điều chỉnh kịp thời các chính sách thuế nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Hoàn thiện công tác quản lý thu, thanh tra, kiểm tra; ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn lậu thuế; phân loại đối tượng nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ pháp luật thuế và cung cấp các dịch vụ phù hợp.

- Trong khai thác, cho thuê, nhượng bán tài sản, tài nguyên của tỉnh cần phải dành kinh phí thỏa đáng để nuôi dưỡng, tái tạo và phát triển; đẩy mạnh các biện pháp quản lý thu đối với các khoản thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên khoáng sản...

b) Đối với quản lý chi ngân sách địa phương:

- Xác định lại quy mô chi ngân sách địa phương gắn với khả năng thu ngân sách nhà nước; cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, đảm bảo quốc phòng - an ninh, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh, xã hội trên địa bàn; loại bỏ sự trùng lặp, lãng phí, phân tán trong chi ngân sách địa phương. Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động sử dụng nguồn thu phí và các nguồn thu hợp pháp khác để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo quy định của Chính phủ, trên cơ sở đó giảm quy mô ngân sách nhà nước phân bổ cho các đơn vị, lĩnh vực có khả năng thu;...

- Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, phấn đấu giảm tỷ trọng chi thường xuyên, dành nguồn tăng chi đầu tư và trả nợ; giảm tỷ trọng chi quản lý hành chính trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế; phấn đấu giảm tỷ trọng chi của một số lĩnh vực (đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành) trên cơ sở thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Ngoài việc cơ cấu lại quy mô chi thường xuyên của từng lĩnh vực, cần thực hiện cơ cấu lại trong nội bộ từng lĩnh vực.

- Triển khai toàn diện, đồng bộ các chế định pháp lý của quá trình đầu tư, từ việc chuẩn bị dự án, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra theo quy định của Luật Đầu tư công; tăng cường kiểm soát khâu chuẩn bị đầu tư, nhất là việc lập báo cáo đề xuất và phê duyệt chủ trương đầu tư; kiên quyết khắc phục tình trạng chuẩn bị sơ sài và quyết định chủ trương đầu tư một cách cảm tính, gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả; phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cần đổi vốn cho từng dự án cụ thể, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

- Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong lập dự toán, quản lý và sử dụng ngân sách, đồng thời với việc thực hiện công khai, minh bạch ngân sách, tăng cường trách nhiệm giải trình; thực hiện có hiệu quả kế hoạch tinh giản biên chế, hoàn thiện bộ máy, sử dụng nguồn vốn ngân sách; từng bước quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ song song với việc tăng cường quản lý chuẩn mực, chất lượng dịch vụ.

- Tính đủ chi phí vào giá dịch vụ công theo lộ trình của Chính phủ, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước của từng lĩnh vực, tập trung vào các đối tượng, các tiêu dịch vụ của lĩnh vực mà ngân sách nhà nước phải đảm bảo kinh phí; tạo bước đột phá về tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển các đơn vị hạch toán đầy đủ sang công ty cổ phần.

- Từng bước giảm dần tỷ trọng vay nợ, chỉ tập trung đầu tư vào các dự án lớn về kết cấu hạ tầng; loại bỏ các dự án đầu tư sử dụng vốn vay không còn phù hợp với điều kiện, tiêu chí về hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ.

Trên đây là Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 của tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KHĐT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).

23

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Trung

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIẢI ĐOẠN 03 NĂM 2021 - 2023
(Kèm theo Kế hoạch số **681** /KH-UBND ngày **24/11/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	Nội dung	So sánh				Dự toán 2021	Dự kiến 2022	Dự kiến 2023
		Dự toán	U/VH	Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	7.228.327	7.340.243	111.916	1,02	6.958.575	7.838.394	8.223.973
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.335.198	2.295.660	- 39.539	0,98	2.443.630	2.727.872	3.056.225
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.893.129	5.026.584	133.455	1,03	4.504.322	5.110.522	5.167.748
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.182.715	3.182.715	-	1,00	3.182.715	3.182.715	3.182.715
2	Thu bổ sung cải cách tiền lương	57.224	57.224	-	1,00	109.267		
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.653.190	1.786.645	133.455	1,08	1.212.340	1.927.807	1.985.033
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kết dư							
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					10.623		
VI	Các khoản thu huy động đóng góp		18.000					
B	TỔNG CHI NSDP	7.253.700	7.365.616	111.916	1,02	7.063.775	7.890.000	8.245.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	5.600.510	5.420.555	- 179.955	0,97	5.851.435	5.962.194	6.259.967
1	Chi đầu tư phát triển	915.702	915.702	-	1,00	1.026.631	1.149.826	1.287.805
2	Chi thường xuyên	4.450.373	4.437.993	- 12.380	1,00	4.462.697	4.596.577	4.734.475
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	900	-	1,00	1.300	1.659	856
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	1,00	1.000	1.000	1.000
5	Dự phòng ngân sách	112.353		- 112.353	-	111.773	137.897	142.034
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	120.181	64.959	- 55.222	0,54	248.035	75.234	93.797
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.653.190	1.786.645	133.455	1,08	1.212.340	1.927.807	1.985.033
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	360.624	360.624	-	1,00			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.292.566	1.426.021	133.455	1,10	1.212.340	1.927.807	1.985.033
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		140.416					
IV	Chi từ nguồn thu huy động đóng góp		18.000					
C	BỘI THU/BỘI CHI NSDP	25.373	25.373	-	1,00	105.200	51.606	21.027
D	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP							
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	467.040	459.132	- 7.908	0,98	488.726	545.574	611.245
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	54.700	54.700	-	1,00	80.073	185.273	236.879
III	Trả nợ gốc vay của NSDP	23.527	23.527	-	1,00	1.600	1.551	6.407
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	23.527	23.527			1.600	1.551	6.407
IV	Tổng mức vay của NSDP	48.900	48.900	-	1,00	106.800	53.157	27.434
1	Vay để bù đắp bội chi	25.400	25.400	-	1,00	105.200	51.606	21.027
2	Vay để trả nợ gốc	23.500	23.500			1.600	1.551	6.407
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	80.073	80.073	-	1,00	185.273	236.879	257.906

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2021 - 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 681 /KH-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng



S TT	Nội dung	ƯTH 2020	Dự toán 2021	So sánh	Dự kiến 2022	Dự kiến 2023
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NSNN	2.700.000	2.750.000	1,02	3.080.000	3.450.000
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	8,63	8,33		8,59	8,67
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)	5,60	5,70		5,92	6,03
I	THU NỘI ĐỊA	2.512.000	2.640.000	1,05	2.962.000	3.323.000
	Tốc độ tăng thu (%)	1,57	5,10		12,20	12,19
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)	93,04	96,00		96,17	96,32
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	465.000	588.780	1,27	650.842	729.564
-	Thuế giá trị gia tăng	170.000	259.110	1,52	285.021	319.224
	Trong đó: - Thu từ thủy điện	86.970	122.330			
	- Thu từ dự án bóc xit - nhôm		41.750			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.000	15.920	0,80	20.696	23.800
-	Thuế tài nguyên	275.000	313.750	1,14	345.125	386.540
	Trong đó: - Thu từ thủy điện	169.700	205.700			
	- Thu từ dự án bóc xit - nhôm		106.350			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	29.340	22.000	0,75	33.351	37.747
-	Thuế giá trị gia tăng	11.720	12.700	1,08	14.351	16.073
	Trong đó: - Thu từ thủy điện					
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.470	8.900	0,54	17.800	20.114
-	Thuế tài nguyên	1.150	400	0,35	1.200	1.560
	Trong đó: - Thu từ thủy điện					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	73.200	73.900	1,01	85.235	98.320
-	Thuế giá trị gia tăng	1.190	5.000	4,20	6.000	7.200
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.000	68.900	0,96	79.235	91.120
-	Thuế tài nguyên	10				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	538.790	619.570	1,15	686.039	784.198
-	Thuế giá trị gia tăng	358.500	434.340	1,21	477.774	549.440
	Trong đó: - Thu từ thủy điện	120.830	136.400	1,13		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.000	44.700	0,89	53.640	61.150
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.290	2.120	1,64	2.374	3.087
-	Thuế tài nguyên	129.000	138.410	1,07	152.251	170.521
	Trong đó: - Thu từ thủy điện	101.610	117.300	1,15		
5	Thuế thu nhập cá nhân	166.000	118.350	0,71	166.000	200.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	153.000	160.000	1,05	176.000	203.877
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	56.916	59.520	1,05	65.472	75.842
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	96.084	100.480	1,05	110.528	128.035
7	Lệ phí trước bạ	121.000	105.000	0,87	117.600	132.888
8	Phí, lệ phí	204.000	192.300	0,94	208.000	214.000
-	Phí và lệ phí trung ương	9.500	9.000	0,95	11.000	12.500
-	Phí và lệ phí tỉnh	169.890	162.840	0,96	172.000	175.000
-	Phí và lệ phí huyện, xã	24.610	20.460	0,83	25.000	26.500
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bóc xit		151.000			
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	60				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	340	200	0,59	200	300
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước	16.270	139.900	8,60	107.000	150.000
12	Thu tiền sử dụng đất	520.000	450.000	0,87	495.000	500.000
	Trong đó: Thu từ dự án do tỉnh quy hoạch, đầu tư xây dựng hoặc quản lý	220.000	130.000	0,59		
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	20.500	23.000	1,12	26.000	35.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	106.500	52.000	0,49	106.000	121.900
-	Giấy phép Trung ương cấp	68.185	42.700	0,63	68.000	78.200

S TT	Nội dung	ƯTH 2020	Dự toán 2021	So sánh	Dự kiến 2022	Dự kiến 2023
A	B	1	2	3=2/1	4	5
-	Giấy phép Ủy ban nhân dân tỉnh cấp	38.315	9.300	0,24	38.000	43.700
16	Thu khác ngân sách	98.000	95.000	0,97	104.733	115.206
-	Thu khác ngân sách trung ương	63.027	57.000	0,90	65.000	71.500
-	Thu khác ngân sách cấp tỉnh	22.803	25.390	1,11	26.000	28.600
-	Thu khác ngân sách huyện, xã	12.170	12.610	1,04	13.733	15.106
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN					
II	THU TỪ ĐẦU THỔ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	170.000	110.000	0,65	118.000	127.000
	Tốc độ tăng thu (%)	5,30	(35,29)		7,27	7,63
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)	6,30	4,00		3,83	3,68
IV	THU VIỆN TRỢ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
V	THU QUẢN LÝ QUA NSNN, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	18.000				

Ghi chú: GRDP (giá hiện hành) ước thực hiện năm 2020 là 31.273 tỷ đồng; GRDP (giá hiện hành) kế hoạch năm 2021 là 33.007 tỷ đồng, năm 2022 là 35.862 tỷ đồng, năm 2023 là 39.792 tỷ đồng.

**DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN GIẢI ĐOẠN 03 NĂM 2021 - 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 681/KH-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán ngân sách năm 2021	Dự kiến ngân sách năm 2022	Dự kiến ngân sách năm 2023
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
I	Nguồn thu ngân sách	6.553.013	6.556.758	6.172.000	6.792.183	7.053.497
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.659.884	1.524.174	1.667.678	1.681.662	1.885.749
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.893.129	5.026.584	4.504.322	5.110.522	5.167.748
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.182.715	3.182.715	3.182.715	3.182.715	3.182.715
-	Thu bổ sung cải cách tiền lương	57.224	57.224	109.267		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.653.190	1.786.645	1.212.340	1.927.807	1.985.033
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
6	Thu quản lý qua NSNN, huy động đóng góp		6.000			
II	Chi ngân sách	6.578.386	6.582.131	6.277.200	6.843.789	7.074.524
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	3.818.001	3.770.497	3.789.858	4.318.995	4.566.635
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	2.760.386	2.805.634	2.487.342	2.524.794	2.507.889
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	2.009.319	2.009.319	2.009.320	2.009.320	2.009.320
-	Chi bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	218.388	218.388	220.285		120.000
-	Chi bổ sung có mục tiêu	532.679	577.928	257.737	515.474	498.569
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
4	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN, huy động đóng góp		6.000			
III	Bội thu/Bội chi NSDP	25.373	25.373	105.200	51.606	21.027
B	NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	3.435.699	3.589.121	3.273.918	3.571.005	3.678.365
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	675.313	771.486	775.952	1.046.211	1.170.476
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.760.386	2.805.635	2.487.342	2.524.794	2.507.889
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.009.319	2.009.319	2.009.320	2.009.320	2.009.320
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	218.388	218.388	220.285		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	532.679	577.928	257.737	515.474	498.569
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			10.623		
5	Thu quản lý qua NSNN, huy động đóng góp		12.000			
II	Chi ngân sách	3.435.699	3.589.121	3.273.918	3.571.005	3.678.365
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
4	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN, huy động đóng góp		12.000			